

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 đoạn ống

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)		
				≤ 1800	≤ 2250	≤ 3000
BB.1124	Lắp đặt ống bê tông, đoạn ống dài 3m	<i>Vật liệu</i>				
		Ống bê tông	đoạn	1	1	1
		Vật liệu khác	%	0,05	0,05	0,05
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,76	2,32	3,36
		<i>Máy thi công</i>				
		Cần cẩu 16 t	ca	0,086	-	-
		Cần cẩu 25 t	ca	-	0,090	-
		Cần cẩu 40 t	ca	-	-	0,101
		Máy khác	%	5	5	5
				4	5	6

BB.11250 LẮP ĐẶT ỐNG BÊ TÔNG - ĐOẠN ỐNG DÀI 4 m

Đơn vị tính: 1 đoạn ống

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)	
				≤ 600	≤ 1000
BB.1125	Lắp đặt ống bê tông, đoạn ống dài 4m	<i>Vật liệu</i>			
		Ống bê tông	đoạn	1	1
		Vật liệu khác	%	0,05	0,05
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,52	0,93
		<i>Máy thi công</i>			
		Cần cẩu 10 t	ca	0,083	0,090
		Máy khác	%	5	5
				1	2

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 đoạn ống

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)		
				≤ 1250	≤ 1800	≤ 2250
BB.1125	Lắp đặt ống bê tông, đoạn ống dài 4m	<i>Vật liệu</i>				
		Ống bê tông	đoạn	1	1	1
		Vật liệu khác	%	0,05	0,05	0,05
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,46	2,20	2,89
		<i>Máy thi công</i>				
		Cần cẩu 16 t	ca	0,094	-	-
		Cần cẩu 25 t	ca	-	0,107	-
		Cần cẩu 40 t	ca	-	-	0,112
		Máy khác	%	5	5	5
				3	4	5

BB.11260 LẮP ĐẶT ỐNG BÊ TÔNG - ĐOẠN ỐNG DÀI 5m

Đơn vị tính: 1 đoạn ống

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)	
				≤ 600	≤ 1000
BB.1126	Lắp đặt ống bê tông, đoạn ống dài 5m	<i>Vật liệu</i>			
		Ống bê tông	đoạn	1	1
		Vật liệu khác	%	0,05	0,05
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,60	1,09
		<i>Máy thi công</i>			
		Cần cẩu 16 t	ca	0,097	0,104
		Máy khác	%	5	5
				1	2

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 đoạn ống

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)		
				≤ 1250	≤ 1800	≤ 2250
BB.1126	Lắp đặt ống bê tông, đoạn ống dài 5m	<i>Vật liệu</i>				
		Ống bê tông	đoạn	1	1	1
		Vật liệu khác	%	0,05	0,05	0,05
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,70	2,56	3,37
		<i>Máy thi công</i>				
		Cần cẩu 25 t	ca	0,110	-	-
		Cần cẩu 40 t	ca	-	0,125	-
		Cần cẩu 63 t	ca	-	-	0,136
		Máy khác	%	5	5	5
				3	4	5

BB.12000 LẮP ĐẶT CỐNG HỘP BÊ TÔNG

Thành phần công việc:

Vận chuyển và rải cống trong phạm vi 30m, vệ sinh cống, hạ cống vào đúng vị trí, lắp và căn chỉnh cống đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.

BB.12100 LẮP ĐẶT CỐNG HỘP ĐƠN - ĐOẠN CỐNG DÀI 1,2m

Đơn vị tính: 1 đoạn cống

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Quy cách (mm)		
				1000 ×1000	1200 ×1200	1600 ×1600
BB.121	Lắp đặt cống hộp đơn, đoạn cống dài 1,2m	<i>Vật liệu</i>				
		Cống hộp	đoạn	1	1	1
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,61	0,66	0,90
		<i>Máy thi công</i>				
		Cần cẩu 6 t	ca	0,060	0,060	-
		Cần cẩu 10 t	ca	-	-	0,064
		Máy khác	%	3	3	3
				01	02	03

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 đoạn cống

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Quy cách (mm)			
				1600 ×2000	2000 ×2000	2500 ×2500	3000 ×3000
BB.121	Lắp đặt cống hộp đơn, đoạn cống dài 1,2m	<i>Vật liệu</i>					
		Cống hộp	đoạn	1	1	1	1
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,12	1,20	1,34	1,64
		<i>Máy thi công</i>					
		Cần cẩu 10 t	ca	0,073	-	-	-
		Cần cẩu 16 t	ca	-	0,073	0,086	
		Cần cẩu 25 t	ca				0,090
		Máy khác	%	3	3	3	3
				04	05	06	07

BB.12200 LẮP ĐẶT CỐNG HỘP ĐÔI - ĐOẠN CỐNG DÀI 1,2m

Đơn vị tính: 1 đoạn cống

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Quy cách (mm)	
				2(1600x1600)	2(1600x2000)
BB.122	Lắp đặt cống hộp đôi, đoạn cống dài 1,2m	<i>Vật liệu</i>			
		Cống hộp	đoạn	1	1
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,20	1,50
		<i>Máy thi công</i>			
		Cần cẩu 16 t	ca	0,076	0,086
		Máy khác	%	3	3
				01	02

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 đoạn cống

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Quy cách (mm)		
				2(2000x2000)	2(2500x2500)	2(3000x3000)
BB.122	Lắp đặt cống hộp đôi, đoạn cống dài 1,2m	<i>Vật liệu</i>				
		Cống hộp	đoạn	1	1	1
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,61	1,79	2,19
		<i>Máy thi công</i>				
		Cần cẩu 16 t	ca	0,090	-	-
		Cần cẩu 25 t	ca	-	0,112	-
		Cần cẩu 40 t	ca	-	-	0,136
		Máy khác	%	3	3	3
				03	04	05

BB.13000 NỐI ỐNG BÊ TÔNG, LẮP ĐẶT GỐI ĐỖ ỐNG BÊ TÔNG

BB.13100 NỐI ỐNG BÊ TÔNG BẰNG VÀNH ĐAI BÊ TÔNG ĐÚC SẴN BẰNG THỦ CÔNG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị vật liệu, vận chuyển vành đai trong phạm vi 30m, vệ sinh đầu mỗi nối, xuống và lắp đai, trộn vữa, xảm mỗi nối và bảo dưỡng mỗi nối bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				200	300	400	500
BB.131	Nối ống bê tông bằng vành đai bê tông đúc sẵn bằng thủ công	<i>Vật liệu</i>					
		Vành đai BT đúc sẵn	bộ	1	1	1	1
		Vữa XM cát	m ³	0,006	0,008	0,009	0,010
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,05	0,07	0,08	0,10
				01	02	03	04

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)		
				600	750	800
BB.131	Nối ống bê tông bằng vành đai bê tông đúc sẵn bằng thủ công	<i>Vật liệu</i>				
		Vành đai BT đúc sẵn	bộ	1	1	1
		Vữa XM cát	m ³	0,011	0,013	0,014
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,13	0,16	0,18
				05	06	07

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)		
				900	1000	1050
BB.131	Nối ống bê tông bằng vành đai bê tông đúc sẵn bằng thủ công	<i>Vật liệu</i>				
		Vành đai BT đúc sẵn	bộ	1	1	1
		Vữa XM cát	m ³	0,015	0,016	0,017
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,21	0,23	0,24
				08	09	10

BB.13200 NỐI ỐNG BÊ TÔNG BẰNG VÀNH ĐAI BÊ TÔNG ĐÚC SẴN BẰNG CÀN CẦU

Thành phần công việc:

Chuẩn bị vật liệu, vận chuyển vành đai trong phạm vi 30m, vệ sinh đầu mỗi nối, hạ và lắp đai, trộn vữa, xảm mỗi nối và bảo dưỡng mỗi nối đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu định mức	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				1200	1250	1350	1500
BB.132	Nối ống bê tông bằng vành đai bê tông đúc sẵn bằng càn cầu	<i>Vật liệu</i>					
		Vành đai BT đúc sẵn	bộ	1	1	1	1
		Vữa XM cát	m ³	0,020	0,021	0,023	0,025
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,21	0,22	0,23	0,27
				01	02	03	04

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu định mức	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				1650	1800	1950	2000
BB.132	Nối ống bê tông bằng vành đai bê tông đúc sẵn bằng cần cẩu	<i>Vật liệu</i>					
		Vành đai BT đúc sẵn	bộ	1	1	1	1
		Vữa XM cát	m ³	0,027	0,031	0,033	0,034
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,29	0,31	0,34	0,35
				05	06	07	08

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu định mức	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				2100	2250	2400	2550
BB.132	Nối ống bê tông bằng vành đai bê tông đúc sẵn bằng cần cẩu	<i>Vật liệu</i>					
		Vành đai BT đúc sẵn	bộ	1	1	1	1
		Vữa XM cát	m ³	0,036	0,036	0,038	0,041
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,37	0,39	0,42	0,44
				09	10	11	12

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu định mức	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)		
				2700	2850	3000
BB.132	Nối ống bê tông bằng vành đai bê tông đúc sẵn bằng cần cẩu	<i>Vật liệu</i>				
		Vành đai BT đúc sẵn	bộ	1	1	1
		Vữa XM cát	m ³	0,043	0,049	0,051
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,47	0,50	0,52
				13	14	15

BB.13300 NỔI ống BÊ TÔNG BẰNG GẠCH CHỈ (6,5x10,5x22cm)

Thành phần công việc:

Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m, trộn vữa, xây mỗi nổi và bảo dưỡng mỗi nổi đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: 1 mỗi nổi

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				200	300	400	500
BB.133	Nổi ống bê tông bằng gạch chỉ (6,5x10,5x22cm)	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch chỉ	viên	10	15	21	24
		Vữa XM cát	m ³	0,005	0,008	0,010	0,013
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,07	0,10	0,13	0,15
				01	02	03	04

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nổi

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				600	750	800	900
BB.133	Nối ống bê tông bằng gạch chỉ (6,5x10,5x22cm)	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch chỉ	viên	28	33	38	43
		Vữa XM cát	m ³	0,018	0,028	0,031	0,043
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,18	0,23	0,25	0,29
				05	06	07	08

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nổi

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)		
				1000	1050	1200
BB.133	Nổi ống bê tông bằng gạch chỉ (6,5x10,5x22cm)	<i>Vật liệu</i>				
		Gạch chỉ	viên	47	50	56
		Vữa XM cát	m ³	0,051	0,052	0,055
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,32	0,33	0,38
				09	10	11

BB.13400 NỔI ỐNG BÊ TÔNG BẰNG GẠCH THẺ (5x10x20cm)

Thành phần công việc:

Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m, trộn vữa, xây mỗi nổi và bảo dưỡng mỗi nổi đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: 1 mỗi nổi

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				200	300	400	500
BB.134	Nối ống bê tông bằng gạch thẻ (5x10x20cm)	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch thẻ	viên	15	22	31	36
		Vữa XM cát	m ³	0,007	0,012	0,015	0,020
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,09	0,14	0,17	0,20
				01	02	03	04

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nổi

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				600	750	800	900
BB.134	Nổi ống bê tông bằng gạch thẻ (5x10x20cm)	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch thẻ	viên	42	49	57	64
		Vữa XM cát	m ³	0,027	0,037	0,047	0,065
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,23	0,30	0,32	0,36
				05	06	07	08

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nổi

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)		
				1000	1050	1200
BB.134	Nối ống bê tông bằng gạch thẻ (5x10x20cm)	<i>Vật liệu</i>				
		Gạch thẻ	viên	71	75	85
		Vữa XM cát	m ³	0,076	0,080	0,083
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,40	0,42	0,47
				09	10	11

BB.13500 NỔI ỐNG BÊ TÔNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP XẢM

Thành phần công việc:

Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m, vệ sinh đầu mỗi nổi, trộn vữa, xảm mỗi nổi và bảo dưỡng mỗi nổi đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: 1 mỗi nổi

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				200	300	400	500
BB.125	Nối ống bê tông bằng phương pháp xảm	Vật liệu Vữa XM cát Nhân công 3,5/7	m ³ công	0,0032	0,0048	0,0064	0,0080
				0,05	0,07	0,09	0,11
				01	02	03	04

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nổi

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				600	750	800	900
BB.135	Nối ống bê tông bằng phương pháp xảm	Vật liệu Vữa XM cát Nhân công 3,5/7	m ³ công	0,0096	0,0120	0,0127	0,0143
				0,13	0,16	0,18	0,20
				05	06	07	08

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nổi

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				1000	1050	1200	1250
BB.135	Nối ống bê tông bằng phương pháp xảm	Vật liệu Vữa XM cát Nhân công 3,5/7	m ³ công	0,0159	0,0167	0,0191	0,0199
				0,22	0,23	0,26	0,28
				09	10	11	12

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				1350	1500	1650	1800
BB.135	Nối ống bê tông bằng phương pháp xảm	<i>Vật liệu</i> Vữa XM cát <i>Nhân công 3,5/7</i>	m ³ công	0,0215	0,0239	0,0263	0,0311
				0,30	0,34	0,36	0,40
				13	14	15	16

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				1950	2000	2100	2250
BB.135	Nối ống bê tông bằng phương pháp xảm	<i>Vật liệu</i> Vữa XM cát <i>Nhân công 3,5/7</i>	m ³ công	0,0319	0,0329	0,0335	0,0359
				0,43	0,44	0,46	0,49
				17	18	19	20

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)				
				2400	2550	2700	2850	3000
BB.135	Nối ống bê tông bằng phương pháp xảm	<i>Vật liệu</i> Vữa XM cát <i>Nhân công 3,5/7</i>	m ³ công	0,0382	0,0406	0,0430	0,0454	0,0478
				0,53	0,56	0,59	0,63	0,66
				21	22	23	24	25

BB.13600 NỐI ỐNG BÊ TÔNG BẰNG GIOĂNG CAO SU

Thành phần công việc:

Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m, vệ sinh đầu mỗi nối, bôi mỡ, lắp gioăng, lắp mỗi nối theo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				200	300	400	500
BB.136	Nối ống bê tông bằng gioăng cao su	<i>Vật liệu</i>					
		Gioăng cao su	cái	1	1	1	1
		Mỡ bôi trơn	kg	0,022	0,041	0,044	0,053
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,03	0,05	0,07	0,08
				01	02	03	04

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				600	750	800	900
BB.136	Nối ống bê tông bằng gioăng cao su	<i>Vật liệu</i>					
		Gioăng cao su	cái	1	1	1	1
		Mỡ bôi trơn	kg	0,066	0,071	0,083	0,096
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,09	0,12	0,13	0,14
				05	06	07	08

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				1000	1050	1200	1250
BB.136	Nối ống bê tông bằng gioăng cao su	<i>Vật liệu</i>					
		Gioăng cao su	cái	1	1	1	1
		Mỡ bôi trơn	kg	0,100	0,105	0,128	0,133
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,16	0,17	0,19	0,20
				09	10	11	12

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				1350	1500	1650	1800
BB.136	Nối ống bê tông bằng gioăng cao su	<i>Vật liệu</i>					
		Gioăng cao su	cái	1	1	1	1
		Mỡ bôi trơn	kg	0,144	0,160	0,176	0,192
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,21	0,24	0,26	0,28
				13	14	15	16

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				1950	2000	2100	2250
BB.136	Nối ống bê tông bằng gioăng cao su	<i>Vật liệu</i>					
		Gioăng cao su	cái	1	1	1	1
		Mỡ bôi trơn	kg	0,208	0,214	0,224	0,240
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,30	0,31	0,33	0,35
				17	18	19	20

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)				
				2400	2550	2700	2850	3000
BB.136	Nối ống bê tông bằng gioăng cao su	<i>Vật liệu</i>						
		Gioăng cao su	cái	1	1	1	1	1
		Mỡ bôi trơn	kg	0,256	0,272	0,288	0,304	0,320
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,38	0,40	0,42	0,45	0,47
				21	22	23	24	25

BB.13700 LẮP ĐẶT KHỐI MÓNG BÊ TÔNG ĐỖ ĐOẠN ỐNG

Thành phần công việc:

Vận chuyển khối móng trong phạm vi 30m, lắp đặt và căn chỉnh khối móng vào vị trí đúng theo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: cái

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)	
				200	300
BB.137	Lắp đặt khối móng bê tông đỡ đoạn ống	<i>Vật liệu</i> Khối móng bê tông <i>Nhân công 3,5/7</i>	cái công	1 0,05	1 0,073
				01	02

Tiếp theo

Đơn vị tính: cái

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)		
				≤ 600	≤ 1000	≤ 1250
BB.137	Lắp đặt khối móng bê tông đỡ đoạn ống	<i>Vật liệu</i> Khối móng bê tông <i>Nhân công 3,5/7</i>	cái công	1 0,11	1 0,20	1 0,31
				03	04	05

Tiếp theo

Đơn vị tính: cái

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)		
				≤1800	≤2250	≤3000
BB.137	Lắp đặt khối móng bê tông đỡ đoạn ống	<i>Vật liệu</i> Khối móng bê tông <i>Nhân công 3,5/7</i>	cái công	1 0,52	1 0,74	1 1,14
				06	07	08

Ghi chú:

Trường hợp có lắp thêm tấm đệm móng thì hao phí vật liệu được bổ sung thêm tấm đệm bê tông và hao phí nhân công lắp đặt được bổ sung thêm 60% của hao phí nhân công lắp đặt khối móng đỡ đoạn ống tương ứng.

BB.14000 NỒI CỐNG HỘP BÊ TÔNG

BB.14100 NỒI CỐNG HỘP ĐƠN BẰNG PHƯƠNG PHÁP XẢM

Thành phần công việc:

Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m, vệ sinh đầu mỗi nôi, trộn vữa xảm nôi cống và bảo dưỡng mỗi nôi đúng theo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: 1mỗi nôi

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Quy cách (mm)		
				1000 ×1000	1200 ×1200	1600 ×1600
BB.141	Nồi cống hộp đơn bằng phương pháp xảm	<i>Vật liệu</i> Vữa XM cát <i>Nhân công 3,5/7</i>	m ³ công	0,020	0,024	0,032
				0,28	0,34	0,44
				01	02	03

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1mỗi nôi

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Quy cách (mm)			
				1600 ×2000	2000 ×2000	2500 ×2500	3000 ×3000
BB.141	Nồi cống hộp đơn bằng phương pháp xảm	<i>Vật liệu</i> Vữa XM cát <i>Nhân công 3,5/7</i>	m ³ công	0,037	0,041	0,051	0,061
				0,49	0,56	0,66	0,79
				04	05	06	07

BB.14200 NỒI CỐNG HỘP ĐÔI BẰNG PHƯƠNG PHÁP XẢM VỮA XI MĂNG

Thành phần công việc:

Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m, vệ sinh đầu mỗi nôi, trộn vữa, xảm mỗi nôi cống và bảo dưỡng mỗi nôi đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: 1mỗi nôi

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Quy cách (mm)	
				2(1600x1600)	2(1600x2000)
BB.142	Nồi cống hộp đôi bằng phương pháp xảm	<i>Vật liệu</i> Vữa XM cát <i>Nhân công 3,5/7</i>	m ³ công	0,049	0,055
				0,64	0,71
				01	02

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Quy cách (mm)		
				2(2000x2000)	2(2500x2500)	2(3000x3000)
BB.142	Nối cống hộp đôi bằng phương pháp xảm	<i>Vật liệu</i>	m ³ công			
		Vữa XM cát		0,061	0,076	0,091
		<i>Nhân công 3,5/7</i>		0,79	0,99	1,19
				03	04	05

BB.20000 LẮP ĐẶT ỐNG GANG, NỐI ỐNG GANG

BB.21000 LẮP ĐẶT ỐNG GANG - ĐOẠN ỐNG DÀI 6m

Thành phần công việc:

Vận chuyển rải ống trong phạm vi 30m, khoét lòng mo tại vị trí mỗi nối, chèn cát, hạ và dòn ống, vệ sinh ống, lắp và chỉnh ống theo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: 1 đoạn ống

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				100	150	200	250
BB.210	Lắp đặt ống gang, đoạn ống dài 6m	<i>Vật liệu</i>					
		Ống gang	đoạn	1	1	1	1
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,08	1,29	1,50	1,77
				01	02	03	04

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 đoạn ống

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				≤ 400	≤ 600	≤ 900	≤ 1200
BB.210	Lắp đặt ống gang, đoạn ống dài 6m	<i>Vật liệu</i>					
		Ống gang	đoạn	1	1	1	1
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,31	1,96	3,36	4,47
		<i>Máy thi công</i>					
	Cần cẩu 6 t	ca	0,113	0,113	0,131	0,131	
				05	06	07	08

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 đoạn ống

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)		
				≤ 1600	≤ 2200	≤ 2500
BB.210	Lắp đặt ống gang, đoạn ống dài 6m	<i>Vật liệu</i>				
		Ống gang	đoạn	1	1	1
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	6,14	7,41	9,08
		<i>Máy thi công</i>				
		Cần cẩu 10 t	ca	0,144	-	-
		Cần cẩu 16 t	ca	-	0,156	-
		Cần cẩu 25 t	ca	-	-	0,169
				09	10	11

BB.22000 NỐI ỐNG GANG CÁC LOẠI

BB.22100 NỐI ỐNG GANG BẰNG PHƯƠNG PHÁP XẨM

Thành phần công việc:

Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m, vệ sinh đầu ống, nhuộm dây đay, trộn vữa xẩm mỗi nối và bảo dưỡng mỗi nối theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				100	150	200	250
BB.221	Nối ống gang bằng phương pháp xẩm	<i>Vật liệu</i>					
		Dây đay	kg	0,134	0,186	0,248	0,309
		Xăng	kg	0,062	0,083	0,103	0,144
		Bi tum	kg	0,019	0,026	0,041	0,062
		Xi măng	kg	0,361	0,464	0,568	0,671
		Amiăng	kg	0,150	0,250	0,350	0,450
		Củi	kg	0,074	0,103	0,166	0,227
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,10	0,12	0,16	0,21
				01	02	03	04

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				300	350	400	450
BB.221	Nối ống gang bằng phương pháp xảm	<i>Vật liệu</i>					
		Dây đay	kg	0,382	0,454	0,536	0,603
		Xăng	kg	0,083	0,103	0,124	0,134
		Bi tum	kg	0,186	0,227	0,289	0,325
		Xi măng	kg	0,794	0,929	1,238	1,650
		Amiăng	kg	0,550	0,650	0,750	0,900
		Củi	kg	0,351	0,413	0,495	0,536
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,33	0,41	0,57	0,64
				05	06	07	08

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				500	600	700	800
BB.221	Nối ống gang bằng phương pháp xảm	<i>Vật liệu</i>					
		Dây đay	kg	0,671	0,898	1,134	1,393
		Xăng	kg	0,144	0,186	0,227	0,289
		Bi tum	kg	0,361	0,516	0,671	0,774
		Xi măng	kg	2,063	2,784	3,506	4,228
		Amiăng	kg	1,050	1,300	1,500	1,750
		Củi	kg	0,578	0,743	0,908	1,155
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,72	0,94	1,16	1,39
				09	10	11	12

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				900	1000	1100	1200
BB.221	Nối ống gang bằng phương pháp xảm	<i>Vật liệu</i>					
		Dây đay	kg	1,702	1,877	2,011	2,124
		Xăng	kg	0,363	0,466	0,485	0,508
		Bi tum	kg	0,980	1,083	1,145	1,186
		Xi măng	kg	5,053	5,878	6,239	6,446
		Amiăng	kg	2,050	2,300	2,450	2,650
		Củi	kg	1,444	1,849	1,923	2,014
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,54	1,76	1,79	2,01
				13	14	15	16

Tiếp theo

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính (mm)			
				1400	1500	1600	1800
BB.221	Nối ống gang bằng phương pháp xảm	<i>Vật liệu</i>					
		Dây đay	kg	2,413	2,548	2,718	3,057
		Xăng	kg	0,590	0,611	0,651	0,733
		Bi tum	kg	1,372	1,444	1,541	1,733
		Xi măng	kg	7,116	7,941	8,470	9,529
		Amiăng	kg	3,050	3,350	3,573	4,020
		Củi	kg	2,344	1,978	2,109	2,373
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,34	2,57	2,73	2,77
				17	18	19	20